

Số: /BVĐK-KD

Phường Chũ, ngày tháng 7 năm 2026

V/v: Đề nghị báo giá hóa chất xét nghiệm lần 1

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2025; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1).

Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua hóa chất xét nghiệm lần 1 của Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Đỗ Văn Sinh – Giám đốc Bệnh viện

Ông Phạm Đức Thương – Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp (gửi chuyển phát qua bộ phận Văn thư): Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn – Số điện thoại: 0204 2200 555

- Địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn – Tổ dân phố Minh Lập, Phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhận qua địa chỉ hộp thư điện tử của Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn: **benhviendakhoalucngan@gmail.com**.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Thời gian nhận báo giá từ ngày phát hành đến hết **16 giờ 30 phút ngày 11/7/2026**

(Do yêu cầu tính chất của hàng hóa phục vụ công tác cấp cứu, khám bệnh chữa bệnh, báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục, số lượng, tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan: Có bản chi tiết kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- website: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>
- Website: <http://benhviendakhoalucngan@gmail.com>;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

PHỤ LỤC

(Kèm theo văn bản số /BVĐK-KD ngày /7/2026 của Bệnh viện Đa Khoa Lục Ngạn)

BẢO GIÁ HÀNG HOÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại:

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú
I	SỬ DỤNG TRONG XÉT NGHIỆM IBC900						
1	Bộ thuốc thử định lượng Creatinine	Dải đo: Serum: 0.03 - 25 mg/dL Urine: 0.1 - 370 mg/dL Phương pháp: Jaffe Thành phần: R1: NaOH; Detergent. R2: Picric acid Solution. hoặc tương đương	ml	706	Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn Địa chỉ: Phường Chủ Tịch Bắc Ninh	Theo quy cách nhà sản xuất	
2	Bộ thuốc thử định lượng Cholesterol	Dải đo: 8.1 - 700 mg/dL Phương pháp: CHOD-PAD Thành phần: 4-Chlorophenol; 4-Aminoantipyrine ; Cholesterol esterase (CHE); Cholesterol oxidase (CHOD); Peroxidase (POD).	ml	1.200			
3	Bộ thuốc thử định lượng Triglyceride	Dải đo: 10.9- 1300 mg/dL Phương pháp: enzymatic GPO-POD Thành phần: R1: Pipes buffer (pH: 6.8); Peroxidase; Glycerokinase; Lipoprotein Lipase; ATP; TOOS R2: 4- Aminoantipyrine, GPO. hoặc tương đương	ml	500			

4	Bộ thuốc thử định lượng AST	Dải tuyến tính: 6 - 800 U/L Phương pháp: IFFC Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7,8); MDH; D-LDH; L-aspartate. R2: NADH; α -ketoglutarate. hoặc tương đương	ml	750			
5	Bộ thuốc thử định lượng ALT	Dải tuyến tính: 8 - 800 U/L Phương pháp IFFC Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7,4); D-LDH ; L-Alanine. R2: NADH ; a-Ketoglutarate. hoặc tương đương	ml	750			
6	Bộ thuốc thử định lượng Glucose	Dải đo: Serum: 0.4 - 550 mg/dL, Urine: 0.08 - 800 mg/dL, CSF: 0.8 - 400 mg/dL. Phương pháp: Enzyme hexokinase Thành phần: R1: Tris base, pH 7,8; MgSO ₄ ; NAD; ATP. R2: Tris Base; MgSO ₄ ; Hexokinase, G6PDH. hoặc tương đương	ml	720			
7	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Là dung dịch rửa chứa sodium hydroxide $\leq 2\%$, Polyethylene glycol (PEG), nước, phụ gia an toàn khác hoặc tương đương	ml	10.000			
8	Bộ hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy (Calibrator)	Thành phần: Huyết thanh người đông khô gồm các chất phân tích: Alkaline Phosphatase, Alanine Aminotransferase, Aspartate Aminotransferase, Albumin, Amylase, Inorganic Phosphorus, Calcium, Creatinine, Lactate Dehydrogenase, G-Glutamate Transpeptidase, Creatine Kinase, Lactate, Magnesium, Total Protein, Urea, Uric Acid, Glucose, Iron, Triglycerides, Direct Bilirubin, Total Bilirubin, Cholesterol, Cholinesterase, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol hoặc tương đương	ml	60			
9	Bộ chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa	Thành phần: Huyết thanh người đông khô hoặc tương đương	ml	60			

	thường quy (QC)						
10	Bộ chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy (QC)	Thành phần: Huyết thanh người đông khô hoặc tương đương	ml	60			
II	VẬT TƯ, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU						
1	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động, tương thích với máy HumaClot Pro, hãng Huma/Đức hoặc tương đương	Chiếc	17.280			
2	Hóa chất xét nghiệm PT	Hóa chất dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ chứa Sodium azide < 0,01% hoặc tương đương	ml	360			
3	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01% hoặc tương đương	ml	300			

4	Hóa chất xét nghiệm aPTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 Dung dịch CaCl ₂ 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. hoặc tương đương	ml	720			
5	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học. Thành phần: Aqueous Solution. hoặc tương đương	ml	270			
6	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Dung dịch dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa các chất sót lại trên máy xét nghiệm. Thành phần của Wash Solution: - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02% hoặc tương đương	ml	1.875			
7	Hóa chất kiểm chuẩn mức bình thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường, gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% . hoặc tương đương	ml	72			
8	Hóa chất kiểm chuẩn mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường, gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% . hoặc tương đương	ml	72			
9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. (dạng đông khô)	ml	48			

		Calibrator chứa: Mẫu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01% hoặc tương đương					
10	Kim hút bệnh phẩm	Tương thích với máy HumaClot Pro Hãng Human/Đức	Chiếc	1			
11	Cảm biến nước thải	Tương thích với máy HumaClot Pro Hãng Human/Đức	Chiếc	1			
12	Cảm biến nước khử ion	Tương thích với máy HumaClot Pro Hãng Human/Đức	Chiếc	1			
13	Van pha loãng dung dịch	Tương thích với máy HumaClot Pro Hãng Human/Đức	Chiếc	1			
14	Bơm hút 250μL kèm gioăng	Tương thích với máy HumaClot Pro Hãng Human/Đức	Chiếc	1			
III	VẬT TƯ, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI						
1	Hóa chất điện giải đồ 300 Test	Được sử dụng với máy phân tích điện giải chuyên dụng để đo nồng độ kali (K+), natri (Na+), clorua (Cl-), canxi (Ca2+), magiê (Mg2+), lithi (Li+), pH và TCO2 trong huyết thanh người. Ngoài ra, GE-1 và GE-2 cũng có thể sử dụng để đo nồng độ các chất trên trong máu và nước tiểu con người. Thành phần Chất chuẩn A: K+:1.1%, Na+:57.0%, Cl-:40.5%, Ca2+:0.5%, Li+:0.4%, Mg2+:0.5% Chất chuẩn B: K+:4.0%, Na+:57.5%, Cl-:36.5%, Ca2+:1.3%, Li+:0.3%, Mg2+:0.4% * Các thành phần của bộ thuốc thử từ các lô khác nhau không được sử dụng thay thế cho nhau. Bảo quản: Nhiệt độ môi trường từ 2–30°C, độ ẩm tương đối từ 20–85%, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp. Hạn sử dụng: 24 tháng (khi còn niêm phong), 1 tháng (sau khi mở nắp). GE-1 & GE-2: 24 tháng (khi còn niêm phong), 50 ngày (sau khi mở nắp). Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Chiếc	35.000			
2	Hóa chất nội kiểm chất lượng	Bộ kiểm soát chất lượng 3 mức này được sử dụng để theo dõi và đánh giá hiệu suất hoạt động của máy phân tích điện giải	ml	90			

	xét nghiệm điện giải đồ	Thành phần chính: Kali clorua, natri clorua, natri hydroxit, natri axetat, canxi axetat monohydrat, hai phân tử nước của liti axetat, MOPS. Giá trị chuẩn: xem trên nhãn sản phẩm. Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950					
3	Chất rửa thường quy điện giải đồ	Dùng để làm sạch các ống dẫn của máy phân tích điện giải Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt không ion chiếm 0,1% tổng khối lượng dung dịch, dung dịch đệm ion cường độ cao. Sản phẩm ổn định trong 2 năm nếu được bảo quản ở nhiệt độ 2–30°C, tránh ánh sáng. Tương thích cho máy xét nghiệm điện giải AS950	ml	250			
4	Chất rửa khử Protein hệ thống xét nghiệm điện giải đồ (Deproteinizer)	Dùng để làm sạch và bảo trì các ống dẫn và điện cực của máy phân tích điện giải. Thành phần chính NaClO ~1.0%, Cl ₂ Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	ml	600			
5	Dung dịch điện cực điện giải	Dùng để kích hoạt điện cực mới. Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt ion và không ion. Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	ml	20			
6	Chất làm đầy các điện cực thành phần	Được dùng để làm đầy/bổ sung dung dịch cho các điện cực ion (K ⁺ , Na ⁺ , Cl ⁻ , Ca ²⁺ , Li ⁺ , pH). Thành phần chính: KCl: 0,04% NaCl: 0,6% CaCl ₂ : 0,033% Chất điều chỉnh pH Chất bảo quản Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	ml	20			
7	Chất làm đầy điện cực tham chiếu	Dùng để làm đầy/bổ sung dung dịch cho điện cực tham chiếu. Thành phần chính:	ml	20			

		Dung dịch KCl bão hòa và chất bảo quản. Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950					
8	Điện cực K	Điện cực phân tích K ⁺ tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950 AS 950.	Cái	2			
9	Điện cực Na	Điện cực phân tích Na ⁺ tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Cái	2			
10	Điện cực CL	Điện cực phân tích Cl ⁻ tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Cái	2			
11	Điện cực Ca	Điện cực phân tích Ca ²⁺ tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Cái	2			
12	Điện cực PH	Điện cực phân tích pH tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Cái	1			
13	Điện cực Li	Điện cực phân tích Li ⁺ tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Cái	1			
14	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Cái	1			
15	Dây bơm cho máy xét nghiệm điện giải	tương thích với máy xét nghiệm điện giải AS950	Cái	1			
IV	HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU						
1	Test thử nước tiểu 11 thông số	Xác định các thông số sau trong nước tiểu bằng máy phân tích nước tiểu tự động: Máu, Bilirubin, Urobilinogen, Ketone (Axit Acetoacetic), Protein, Nitrit, Glucose, pH, Bạch cầu, Axit Ascorbic, Microalbumin, Creatinine và ACR (tỷ lệ albumin/creatinine) trong nước tiểu. Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu UNISCAN SUPER+	test	16.000			
2	Dung dịch rửa máy xét nghiệm nước tiểu	Dung dịch rửa dùng để làm sạch kim hút mẫu và ống bên trong của máy phân tích nước tiểu tự động. Thành phần: Nước tinh khiết ≥ 92 Natri hypochlorite ≤ 3	ml	1.500			

		Natri hydroxide ≤ 5 Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu UNISCAN SUPER+ hoặc tương					
3	Bộ hiệu chuẩn máy nước tiểu 11 thông số	Dung dịch Control được sử dụng như một mẫu kiểm soát để giám sát và duy trì độ chính xác của các thuốc thử xét nghiệm nước tiểu và máy phân tích nước tiểu. Dung dịch kiểm soát phải được sử dụng theo đúng hướng dẫn của dụng cụ, bộ kit hoặc thuốc thử đi kèm. Hoặc tương đương, tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu UNISCAN SUPER+	bộ	12			

*** Ghi chú:**

- Thông số kỹ thuật nêu tại phụ lục đính kèm là thông số kỹ thuật tham khảo. Các đơn vị báo giá có thể báo giá hàng hoá có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương.

- Nếu là báo giá trực tiếp của hãng sản xuất hàng hóa, nhà phân phối, cung cấp duy nhất tại Việt Nam đề nghị gửi kèm tài liệu chứng minh và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.

- Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, hàng hoá được bàn giao, hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bảo hành (nếu có) tại Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

- Doanh nghiệp báo giá:

+ Người báo giá là đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

+ Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

Báo giá này có hiệu lực tối đa **90** ngày kể từ ngày 11/7/2026.

....., ngày tháng năm 2026
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)